

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Quý II năm 2007

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	137,859,458,474	122,708,982,838
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	8,649,674,780	8,379,912,976
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	65,630,544,878	63,256,873,990
4	Hàng tồn kho	63,501,755,645	50,464,718,654
5	Tài sản ngắn hạn khác	77,483,171	607,477,218
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	176,286,934,251	173,050,148,772
1	Các khoản phải thu dài hạn	-	-
2	Tài sản cố định	172,842,305,379	169,836,677,248
	- Tài sản cố định hữu hình	156,842,031,531	156,720,057,370
	- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-
	- Tài sản cố định vô hình	4,632,631,768	4,514,671,238
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11,367,642,080	8,601,948,640
3	Bất động sản đầu tư	-	-
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3,200,050,000	3,200,050,000
5	Tài sản dài hạn khác	244,578,872	13,421,524
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		314,146,392,725	295,759,131,610
III	NỢ PHẢI TRẢ	269,993,348,884	251,627,561,794
1	Nợ ngắn hạn	211,243,764,693	189,664,698,666
2	Nợ dài hạn	58,749,584,191	61,962,863,128
IV	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	44,153,043,841	44,131,569,816
1	Vốn chủ sở hữu	42,388,692,068	42,293,575,975
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40,000,000,000	40,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Cổ phiếu quỹ (*)		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	67,200,000	182,200,000
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,321,492,068	2,111,375,975
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	1,764,351,773	1,837,993,841
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,764,351,773	1,837,993,841
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		314,146,392,725	295,759,131,610

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	98,237,934,205	169,330,668,418
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	13,084,800	13,084,800
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	98,224,849,405	169,317,583,618

4	Giá vốn hàng bán	87,639,336,074	151,729,913,660
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10,585,513,331	17,587,669,958
6	Doanh thu hoạt động tài chính	130,221,892	286,684,140
7	Chi phí tài chính	4,337,792,794	7,454,869,653
8	Chi phí bán hàng	3,488,944,439	6,259,160,516
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	873,282,309	1,676,604,440
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2,015,715,681	2,483,719,489
11	Thu nhập khác	7,000,000	7,000,000
12	Chi phí khác	10,500,000	10,500,000
13	Lợi nhuận khác	(3,500,000)	(3,500,000)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2,012,215,681	2,480,219,489
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	281,710,194	347,230,724
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1,730,505,487	2,132,988,765
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	433	533
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	-

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu		Năm trước	Năm nay
1. Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	43.88	41.49
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	56.12	58.51
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn	%	85.95	85.08
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	14.05	14.92
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0.51	0.49
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0.65	0.65
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0.04	0.04
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh trên doanh thu	%	0.66	1.47
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0.67	1.46
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	0.67	1.26
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	0.34	0.84
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	0.34	0.72
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	2.55	5.04
4. Tốc độ chu chuyển vốn lưu động			
Doanh thu thuần/ Tài sản ngắn hạn bình quân	Vòng/lần	1.19	1.30

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2007

Tổng Giám đốc